

CAO TĂNG TRUYỆN

QUYỂN 11

21 VỊ TU THIÊN

TRÚC TĂNG HIỂN

Ngài họ Phó người phương Bắc. Cần khổ gìn giới tiết, sống đạm bạc, tụng kinh điển hành thiền định làm chính. Thường ở nơi núi non thanh vắng hành hạnh đầu-đà. Có khi mấy ngày liền thiền định quên ăn uống mà không tỏ chút đói khát. Lúc ấy Lưu Diệu dấy binh nổi loạn ở Tây kinh, từ kinh đô đến vùng hoang dã đều bị loạn giặc. Lúc đó vào cuối niên hiệu Thái Hưng nhà Tấn, Ngài sang miền Nam ở Giang tả, rồi lại vân du trên những ngọn núi nổi tiếng, tu tập pháp môn Tịnh độ. Sau đó mắc bệnh lại càng dốc chí hơn. Bèn hướng về Tây phương tâm khẩn cầu tha thiết. Thấy Đức Di-đà, giáng xuống ánh sáng chân dung chiếu khắp thân mình. Mọi sự bức bách trong thân đều tan biến. Đêm ấy Ngài ngồi dậy tắm rửa xong kể lại câu chuyện mình thấy Phật Di-đà cho vị đồng phòng và thị giả chăm sóc bệnh nghe, đồng thời răn dạy họ về pháp nhân quả, lời lẽ hết sức gãy gọn sâu sắc. Đến sáng sớm hôm sau thì Ngài mới ngồi yên thác hóa, trong thất tỏa mùi hương lạ trải qua hơn mười ngày mới hết.

BẠCH TĂNG QUANG (Còn gọi là Đàm Quang)

Ngài không rõ người xứ nào, thuở thiếu thời tu thiền. Vào năm Vĩnh hòa nhà Tấn, bắt đầu vân du khắp Giang Đông, ở ngọn núi Thạch Thành, Diệm người dân trong núi ấy đều nói rằng vùng này thuở xưa có họa hổ dữ, mãnh thú và sơn thần, quý nhiều nên từ lâu đã bật dấu chân

người lui tới. Ngài nghe xong không hề tỏ chút lo sợ, thuê người vạch đường gánh đồ mà đi, đi vào chùng mây đậm, trời bỗng trút mưa lớn, bấy hổ gầm hét. Ngài ở hướng Nam ngọn núi thấy một hang đá. Ngài bèn vào đó tọa thiền, chấp tay để định thần. Đến sáng hôm sau trời dứt mưa. Ngài bèn vào thôn khát thực, tối đến lại về núi, trải qua ba ngày, một hôm mộng thấy sơn thần, lúc hiện làm thân hổ, khi biến thành thân rắn tranh nhau đến quấy nhiễu ngài. Ngài chẳng chút sợ sệt. Trải qua ba ngày lại mộng thấy sơn thần nói rằng: đã dời sang núi Hàn Thạch, huyện Chương An ở. Đem thất này cúng cho Ngài. Từ đó về sau những người vùng ấy tới lui hái củi, đạo tục rất kính trọng Ngài. Người ưa tu thiền đến đây cất thảo am bên cạnh thất Ngài dần thành chùa chiền, tăng phòng. Vì thế gọi là Ẩn nhạc. Mỗi lần Ngài nhập định thì suốt cả bảy ngày không xả. Ngài ở trong núi năm mươi ba năm, thọ một trăm lẻ một tuổi. Lúc đó vào cuối niên hiệu Thái nguyên nhà Tấn. Ngài lúc sắp tịch lấy y trùm đầu mà ngồi thác hóa. Chúng tăng đều tưởng rằng như thường lệ Ngài nhập định, đến bảy ngày rồi họ cảm thấy lạ lùng vì Ngài không xả định. Cùng nhau đến xem thì thấy nhan sắc không đổi, chỉ có mũi không thấy hơi thở. Thân thức đi đã lâu mà hình hài không đổi. Đến năm thứ 2 niên hiệu Hiếu Kiến nhà Tống. Quách Hồng nhận chức ở huyện Diêm vào núi lễ bái. Thử lấy như ý vạch ngực Ngài ra, bỗng nhiên gió nổi lên tốc y bay hết, chỉ còn bộ xương trắng. Quách Hồng rất hoảng sợ và hối hận đem bộ xương về thất, lấy gạch xây bao quanh bên ngoài để bảo vệ hài cốt. Vẽ bức tượng đến nay vẫn còn.

TRÚC ĐÀM DO

Ngài còn được gọi là Pháp Do, người Đôn Hoàng. Thuở niên thiếu siêng cần khổ tu tập thiền định. Sau đó sang Giang Tả ở núi Thạch Thành, huyện Diêm. Khất thực, tọa thiền. Một lần nọ đến nhà nuôi trùng độc khát thực. Ngài nhận thức ăn và chú nguyện xong. Chợt thấy con rít bò từ trong thức ăn ra, ngài ăn không chừa, sau đó dời sang Xích Thành ở Thỉ Phong ở trong thạch khát tọa thiền. Có mấy chục con hổ dữ kéo đến trước mặt Ngài. Ngài vẫn an nhiên tụng kinh, có một con hổ thiêu ngữ. Ngài lấy tích trượng khỏ vào đầu nó và hỏi: sao không nghe kinh. Lát sau bấy hổ kéo đi, kể đến một con mãng xà xuất hiện to hơn mười vòng, đảo tới lui rồi ngẩng đầu lên nhìn Đạo Do, chùng nửa ngày

thì bò đi. Hôm sau thần hiện hình đến chỗ ngài Đàm Do nói rằng: Pháp sư có oai đức cao rộng và đến ở nơi núi này, đệ tử xin đem thất dăng cúng. Ngài nói: Bần đạo đến núi này mong được gặp Ngài, sao không ở chung. Thần nói: Đệ tử rất muốn được như thế nhưng bỏ thuộc chưa hợp pháp hóa, khó kiếm chế lời nói. Người tới lui nơi này có khi đệ tử xúc phạm họ. Người thần khác đạo vì thế phải ra đi thôi. Ngài nói: Ngài vốn là thần gì mà ở lâu nơi này, nay muốn dời sang chỗ nào ở vậy. Thần nói: Thần là con của vua Hạ ở núi này hơn hai ngàn năm, núi Hàn Thạch là nơi cậu cai trị nên đệ tử sang đó ở, tìm trở lại Sơn lâm miếu. Nói rồi chấp tay từ biệt và tặng Ngài ba hộp nhan. Thế rồi gõ vách thối ốc cỡi mây mà đi. Núi Xích Thành có một đỉnh cao chót vót, vượt khỏi ngàn mây. Ngài chất đá thành bậc thêm để leo lên đỉnh tọa thiền, đặt ống trúc dẫn nước để dùng hàng ngày. Các vị học thiền kéo về hơn cả mười người. Vương Huy Chi nghe tin cũng đến thăm, ngưỡng mộ phong cách thanh cao và kính trọng đức độ của Ngài. Đỉnh Xích Thành cùng với Thiên Thai giáp nhau tạo thành dòng thác linh thiên. Nhưng đỉnh Thiên Thai cheo leo cao vút tận trời. Người xưa truyền nhau rằng: trên đó có một ngôi tịnh xá đẹp, những vị đắc đạo ở trong ấy. Tuy có cầu đá bắt qua khe nhưng có đá chắn ngang lối đi của người, còn có những thảm rêu xanh trơn trượt từ xưa đến nay không ai đến được. Lúc Ngài đi đến chân cầu bỗng nghe tiếng nói từ hư không vọng xuống: Biết Ngài có lòng chí thành nhưng đây chưa qua được. Mười năm sau rồi hãy đến vậy. Trong lòng Ngài buồn bã đành phải ở lại đêm nơi đó, nghe người hành đạo xưng âm Bồ-tát. Sáng hôm sau Ngài lại muốn đến nữa, thấy một người lông mi, râu tóc bạc trắng. Hỏi: Ngài ở đâu? Ngài trình bày ý nghĩ của mình, ông nói: thân sinh tử của Ngài đâu thể qua được. Tôi là thần núi nên đến báo cho Ngài biết. Thế là Ngài đành lui lại (trở về) đi ngang qua một thất đá Ngài vào đó nghỉ ngơi. Chốc lát sau mây mù phủ khắp thất đá và làm chấn động bởi những tiếng sấm rền. Ngài vẫn an nhiên không tỏ chút sợ hãi. Sáng hôm sau Ngài lại thấy một người mặc áo đơn đến nói. Đây chính là chỗ tôi cư ngụ, hôm qua tôi đi vắng không có ở nhà. Ngài vào nên tôi đến quấy nhiễu, bây giờ cảm thấy rất áy náy hổ thẹn. Ngài nói: Nếu là thất của ông tôi xin trả lại. Thần nói: Nhà tôi rời đi nơi khác rồi, xin Ngài ở lại đây. Ngài cứ ở lại đây một thời gian ngắn cứ hạn không qua được cầu đá. Sau đó giữ trai khiết trong một thời gian và muốn qua đó nữa. Thấy cửa động đá chắn ngang đã mở và Ngài liền bước qua cầu trong tích tắc. Thấy tịnh xá, thần tặng như lời người xưa nói. Nhân đó Ngài đốt nhan và dùng cơm trưa. Sau khi ăn

xong thần tăng nói với Ngài rằng: Mười năm sau rồi hãy đến đây, nay chưa ở được. Thế là Ngài đành phải quay về. Ngoái nhìn tảng đá chắn ngang vẫn khép như xưa. Vào giữa niên hiệu Thái nguyên nhà Tấn có sao lạ xuất hiện. Vua hạ chiếu mời các vị Sa-môn có oai đức trong khắp cả nước lập trai đàn sám hối để cầu dứt họa. Ngài bèn thành tâm cầu khẩn nên cảm ứng. Đến sáng ngày thứ 6 thấy chú tiểu đồng mặc áo xanh đến sám hối xin tội rằng. Đã làm lao nhọc Pháp sư, ngay đêm ấy sao lạ biến mất. Có thuyết nói rằng: Người giải trừ nạn sao lạ là Bạch Tăng Quang (chưa rõ)

Ngài tịch vào khoảng cuối niên hiệu Thái nguyên, nơi thất đá trên núi. Thân Ngài vẫn còn ngồi yên mà cả người biến thành màu xanh lục. Cuối niên hiệu Nghĩa hy nhà Tấn có ẩn sĩ Thần Thế Tiêu vào núi rồi leo lên đỉnh thấy thi thể Ngài không hề rửa mục. Sau này muốn đến đó xem thì thấy mây mù che bủa không thể nhìn được. Thời ấy cũng có các vị Tuệ Khai, Tuệ Chân..vv..cũng rất giỏi pháp môn thiền định. Vào trong núi Linh Bí Dư Diêu. Mỗi vị đều dựng một thiền thất để ở đến nay vẫn còn

THÍCH TUỆ NGÔI

Không rõ là người xứ nào, chỉ biết Ngài ở Đại tự Trường An, giới hạnh tinh nghiêm, thường ở nơi thâm sâu cùng cốc tu tập thiền định. Một hôm có con quỷ không đầu đến chỗ Ngài nhưng Ngài vẫn thản nhiên và bảo quỷ rằng: Ông đã không có đầu thì không có nỗi khổ của đầu đầu, thế thì sướng thật đấy, quỷ bèn ẩn hình. Rồi lại biến ra một con quỷ không có bụng, chỉ có tay và chân. Ngài lại nói: người không có bụng thì không có sự ưu não của năm tạng thế thì vui thật. Chốc lát nó lại biến ra hình khác, Ngài cũng nói theo từng kiểu dạng và đuổi nó đi. Vào mùa đông trời đổ tuyết thật lạnh, có một cô gái dung nhan rất đẹp đến chỗ Ngài xin ở lại, quần áo thơm tất, dáng thùỵ mị dụ dàng tự xưng là thiên nữ. Vì biết Ngài là bậc thượng nhơn, có oai đức, nên Thiên đế sai tôi đến đây để dụ dỗ Ngài. Nói những lời có ý khích động. Nhưng Ngài vẫn thản niên không hề tỏ chút nao núng. Bèn bảo cô ta rằng: Tâm tôi đã nguội lạnh như tro tàn không thể dùng túi da để thử được. Cô bèn lướt mây mà đi, còn quay lại khen rằng: nước biển có thể cạn, núi Tu-di có thể nghiêng. Bậc thượng nhơn kia giữ chí bền chặt”.

Sau này vào năm thứ 3 Long An nhà Tấn. Ngài cùng Pháp Hiển sang Tây Vực, không biết tịch ở đâu

THÍCH HIỀN HỘ

Ngài họ Tôn, người Lương châu, đến ở chùa Diệm Hưng huyện Quảng Hán. Siêng tu thiền định, lại thông luật tạng, không hề trái phạm. Ngài tịch vào năm Long An thứ 5 nhà Tấn. Lúc lâm chung trong miệng toả ra ánh sáng năm màu chiếu khắp trong chùa, nhưng theo di chúc Ngài bảo phải thiêu, các vị đệ tử cũng thuận lời chẳng bao lâu gân cốt đều tiêu rụi chỉ còn một ngón tay không cháy. Vì thế đặt vào trong tháp.

THÍCH ĐÀM LAN

Ngài là người Thanh châu, sống đạm bạc ưa thích tọa thiền, tụng kinh cả ba mươi vạn câu, vào giữa niên hiệu Thái Nguyên nhà Tấn Ngài đến huyện Diệm. Sau đó đến ở núi Xích Thành huyện Thi Phong. Tìm thấy một chốn núi non thanh vắng và đến trú ở đó. Chừng khoảng vài ngày, chợt thấy một người thân cao vài trượng gọi Ngài đi. Rồi lại thấy những loài cầm thú, linh thú quái lạ đến dọa Ngài. Chúng thấy Ngài tỏ vẻ thần nhiên không chút sợ hãi nên quì xuống lễ Ngài rồi nói. Châu Khi Vương là cậu, nay sang núi Vi Hương để ở, hiền dân chốn này cho Ngài. Ba năm sau chợt thấy đoàn xe ngựa xa xa cùng vô số tùy tùng. Chốc lát lại thấy một người khăn quần xưng là Châu Khi Vương đến, ông đứng trước cùng với vợ, con trai, con gái chừng khoảng hai mươi ba người. Những người này đều có phong cách đoan trang, tề chỉnh, diện mạo hơn người. Ông đến chỗ Ngài thăm hỏi xong. Ngài hỏi: Ông ở nơi nào? ông đáp: con ở núi Vi Hương huyện Lạc An. Từ lâu con đã cảm phục oai phong của Ngài, nay cùng gia đình lặn lội đến đây xin quy y. Ngài bèn truyền giới cho gia đình ông. Khi thọ giới xong ông mang ra một vạn tiền mặt và hai thùng mật cúng dường tạ lễ, rồi từ biệt ra về, bèn nghe những tiếng kèn sáo nổi lên inh ỏi chấn động núi rừng. Ngài cùng với mười vị thiền Tăng đều nghe thấy. Vào giữa niên hiệu Nguyên hi nhà Tấn Ngài tịch trong núi thọ tám mươi ba tuổi.

THÍCH PHÁP TỰ

Ngài họ Hồn người ở Cao Xương, đức hạnh thanh cao, sống đạm bạc mà vui thiền định. Sau đó vào núi Thục ở trong sơn cốc đi tu đầu-đà ở trong ngôi mộ của Lưu Sư, hổ beo không làm tổn thương. Ngài thường tụng các bộ Pháp Hoa, Duy-ma, Kim Quang Minh, hay ở trong thạch thất vừa tọa thiền vừa đọc tụng. Giữa hạ thì thị tịch luôn trong thạch thất cho đến ngày thứ bảy vẫn không có mùi hôi, bên hông trái tỏa mùi thơm trái qua cả mười ngày hết. Đêm nào cũng chiếu ánh sáng đến khoảng mấy dặm, người trong thôn bèn xây tháp thờ thi hài đó.

THÍCH HUYỀN CAO

Ngài họ Ngụy, tục danh Linh Dục, người ở Vạn Niên, Bằng Dục vậy. Mẹ Ngài họ Quan vốn là người sùng tín ngoại đạo. Lúc vừa về nhà họ Ngụy sinh một cô con gái đầu lòng tức chị hai của ngài Huyền Cao. Khi cô này sinh ra lại tin đạo Phật. Cô chú nguyện cho mẹ, nguyện cho mẹ lại đứng tu tà đạo, trở lại phụng thờ đại pháp. Vào năm thứ 3 Hoàng Thỉ thời vua Ngụy tần, bà mộng thấy một tăngrải hoa đầy nhà, tỉnh lại thì mang thai sữ, đến mồng 8 tháng 2 năm thứ 4 sanh một cậu con trai. Trong nhà tỏa mùi hương lạ, và ánh sáng chói trên tường, cả ngày mới hết. Mẹ Ngài nhân điều lành khi sinh con gọi là Linh Dục. lúc ấy người người ai cũng yêu quý Ngài. Rồi lại đặt tên là thế Cao. Năm lên mười hai tuổi thì biệt mẹ vào núi, nhưng bà không cho phép, một ngày nọ, có một thư sinh tá túc trong nhà Ngài, ông ta nói là ông muốn vào núi Trung Thường ở ẩn, cha mẹ Ngài bèn gửi Ngài cho vị thư sinh ấy. Đêm ấy cả nhà đều thấy người trong cả thôn đều làm lễ bái tổ tiên Ngài. Sáng hôm sau họ đến thăm Ngài, cha mẹ nói, hôm qua các vị đã đến tiễn rồi mà nay lại đến nữa. Họ nói: Chúng tôi đâu biết cậu bé đi thì làm sao mà nói tiễn rồi. Cha mẹ hiểu ra hôm qua người đến tiễn là thần vậy. Khi Ngài mới vào núi thì liền muốn xuất gia. Nhưng các vị tăng ở đó chưa cho phép, họ bảo rằng cha mẹ Ngài chưa cho phép thì không được xuất gia. Thế là Ngài đành phải quay về nhà khẩn cầu cha mẹ cho phép được xuất gia. Suốt cả hai mươi ngày mới được toại nguyện. Khi đã lách tục lìa thế nên đặt tên là Huyền Cao. Ngài là người thông minh học đâu biết đó không cần suy nghĩ. Năm lên mười lăm tuổi lại còn thuyết pháp

cho các vị sơn tăng nghe. Khi thọ giới xong thì chuyên tinh nghiên cứu thiền luật. Sau nghe tin ở Quan Trung có thiền sư Phù-đà Bạt-đà ở chùa Thạch Dương hoằng pháp. Ngài đến tham bái sư. Chỉ trong mười ngày thì thông thạo thiền pháp. Thiền sư Bạt-đà khen rằng: lành thay Phật tử, có thể thông đạt như vậy. Vì khiêm nhường không chịu nhận sự lễ lạy. Như bậc thầy nên Ngài đành phải chống tích trượng sang Tây Tần ẩn cư trong núi Mạch Tích. Học hơn trong núi hơn cả trăm vị, đều tôn Ngài làm thầy và theo thọ học Phật pháp. Khi ấy có Sa-môn Đàm Hoằng người Trường An là vị cao tăng đang ẩn cư ở núi này, hai vị gặp nhau, vì cùng tư tưởng nên kết làm bạn thân. Lúc ấy Khất-phật Sí-bàn có đường đi qua Lũng Tây. Tây tiếp với đất Lương. Có thiền sư ngoại quốc hiệu Đàm Vô Tỳ vân du sang nước này. Thu nạp đồ chúng và dạy thiền đạo. Tam-muội chánh thọ đã sâu sắc lại mầu nhiệm. Các vị Tăng ở Lũng Tây bảm thọ những tinh túy của pháp thiền Huyền Cao cũng tự dẫn đồ chúng đến đó thọ pháp. Trong khoảng mười ngày thì ngài Vô Tỳ bèn tham vấn ý chí của Ngài. Lúc đó, ở Hà Nam có hai vị Tăng. Tuy hình dáng là Sa-môn nhưng thật sự trá hình ngụy tạo. Mặc tình buông lung trái phạm luật, đố kỵ với học tăng. Ngài Đàm Vô Tỳ từ Lũng Tây trở về Xá-di. Hai vị tăng ấy đến chỗ vương thế Tử Man ở Hà Nam sàm báng Huyền Cao, nói rằng việc thu nạp đồ chúng đông là mối họa của đất nước. Thái Tử Man tin những lời sàm báng đó nên muốn trừ khử Ngài Huyền Cao, nhưng cha ông không cho phép. Bèn đuổi Ngài đến núi Đường xứ Lâm Dương tỉnh Hà Bắc. Ngọn núi này các bô lão đời xưa truyền nhau rằng: Là chốn tụ hội của chư tiên. Huyền Cao dẫn ba trăm đồ chúng đến ở núi này. Tinh thần an định, thiền tuệ ngày càng tăng tiến. Nhờ tâm chí thành tha thiết nên thâm cảm ứng đến rất nhiều điềm linh dị. Khánh không đánh mà tự kêu. Hương cũng tự nhiên tỏa hương bốc khói. Tiên sĩ ứng chân thường tới lui du ngoạn. Thú dữ cũng hàng phục, trùng độc cũng tiêu trừ. Trong những vị học trò thông thạo lục môn của Ngài có hơn cả trăm. Có vị tên Huyền Thiệu là người Lũng Tây, Tần châu, thấu đạt các pháp thiền thần lực tự tại, chính tay ông hóa ra nước dâng cho ngài Huyền Cao xúc miệng, rửa mặt, nước ấy thơm sạch gấp bội nước thường. Thường tạo ra những hương thơm tuyệt hảo để dâng cúng Tam bảo. Những vị đạt được thần lực vi diệu như Huyền Thiệu có mười một vị. Sau đó ngài Huyền Thiệu vào núi Đường Thuật thiền duyệt rồi mất. Ngày xưa Pháp sư Đàm Hoằng ở Trường An đến trú ở Mân Thục hoằng đạo rất thịnh hành chốn thành đô. Hà Nam Vương biết đến uy danh của Ngài nên sai sứ đến đón về nhưng Ngài

biết chuyện ngài Cao bị đuổi nên muốn đến đó để làm sáng tỏ chuyện này. Vì thế không ngại đường xá hiểm trở, núi non gập ghềnh, khi Ngài đến Hà Nam. Khách chủ thăm hỏi nhau xong. Ngài bèn hỏi Vương rằng: Ngài là bậc cao minh cố sao tin tưởng những lời sàm báng bỏ đi bậc hiền tài. Bần đạo sợ dĩ không ngại đường xa ngoài ngàn dặm lặn lội đến đây chính là vì muốn bày tỏ những điều này. Vua và thái tử ái ngại và hổ thẹn, bèn sai sứ đến chỗ ngài Huyền Cao bằng những lời lẽ nhã nhặn khiêm tốn thỉnh Ngài về kinh. Ngài vì muốn cứu độ muôn loài quên đi những hận xưa, lúc mới khởi ý xuống núi, đột nhiên cây cối trong núi ngã gãy, đá nghiêng đổ bít lấp con đường. Ngài chú nguyện rằng: Tôi thệ phải hoằng hóa đạo cả, sao làm cản trở lối đi, lúc đó gió ngừng đường xá hiện ra. Ngài đi lần về đến kinh đô. Vua và thần dân gần đó cùng nhau ra nghinh đón. Đời đạo đều kính ngưỡng và tôn Ngài làm quốc sư. Khi nhân duyên hóa độ ở Hà Nam đã mãn. Ngài lên đường đến đất Lương. Thư Cừ, Mông Tôn hết lòng kính trọng và cúng dường Ngài, đồng thời hội tụ những bậc anh tài phát khởi những thắng giải từ nơi Ngài. Lúc đó ở Tây Hải có Phiến Tăng Ấn cũng theo Ngài thọ học. Có kẻ trí hẹp tài kém được chút ít cho là đủ cho rằng mình đã đạt quả La-hán, thấu tột thiền cơ. Ngài liền âm thầm dùng thần lực khiến cho ông từ trong định thấy rõ chư Phật trong mười phương thế giới nói pháp khác nhau. Trong một mùa hạ ông mới nhận rõ cái thấy của mình không bao giờ thấu tột hết, mới biết nước định không ngăn mé nên sinh lòng hổ thẹn. Lúc đó Ngụy Lỗ Thác Bạt Đảo Tiềm xưng ở Bình Thành, khởi quân xâm chiếm đất Lương. Cậu của Đảo là Dương Bình Vương Đỗ Siêu thỉnh ngài Huyền Cao về Ngụy đô. Khi đi đến Bình Thành rồi ngài Hoằng thuyết giáo pháp. Thái tử Thác Bạt Hảo thỉnh ngài Huyền Cao làm thầy. Thái tử lúc bị cha nghi ngờ nên thuật với Huyền Cao rằng: Khi không vương lấy oan ức làm sao để thoát nạn? Ngài chỉ cho thái tử lập đàn chay Kim Quang Minh trì trai bảy ngày để sám hối. Đảo đêm nọ mộng thấy ông nội và cha mình cầm kiếm đến thị oai hỏi: Tại sao người tin lời sàm báng nghi oan cho thái tử. Đảo giật mình thức giấc tập hợp quần thần hỏi về điềm trong mộng. Quần thần đều nói: Thái tử không có lỗi, thật đúng như Hoàng linh hiện báo, Đảo không còn nghi ngờ thái tử nữa, chính là nhờ công lực thành khẩn của Cao vậy. Đảo nhân đó hạ chiếu chỉ rằng: Trẫm phụng thừa nếp đạo của tổ tông mà muốn xiển dương nền móng to lớn, khôi phục phát huy muôn đời. Công sức của Võ tụy rạng mà đại giáo chưa lưu thông thì chẳng thể nói đến việc đề cao thái bình thịnh trị. Nay đất nước bình yên no ấm, nên phải

đặt ra pháp chế để làm chuẩn cho vạn thế. Bởi âm dương có tuần hoàn, bốn mùa có thay đổi. Bảo con: phải tin nhậm bậc hiền để làm người giao phó, khiến cho ngưng mọi sự mệt mỏi, kiểu cách bền vững lâu dài. Xưa nay lệnh điển khó đổi. Các công thần của Trẫm đã vất vả nhiều ngày. Nay muốn mời họ về an nghỉ thoải mái. Không cần đảm nhiệm những việc đau khổ. Ông ra lệnh bảo Hoàng thái tử giao phó Lý Vạn Cơ thống lãnh muôn dân. Còn đề cử bậc hiền tài bổ nhận chức vụ. Tuyển chọn người tài và cách chức bọn tham ô. Cho nên Khổng tử nói: “Hậu sinh khả úy. Sao biết người xưa không bằng người nay. Thế là cả triều đình từ quan quân đến muôn dân đều xưng thần với thái tử. Dâng thư như lời trần tình, dâng giấy trắng để phân biệt. Lúc ấy Thôi Hạo, quan Thiên sử trước kia được ản ửng của Đáo, sợ hoảng lên nổi vị thì sẽ đoạt đi quyền uy của mình bèn đâm tấu: Việc xưa của thái tử thật có mưu tâm. Nhưng nhờ đạo thuật của Huyền Cao nên khiến tiên đế giáng mộng. Sự tích vật luận như vậy hiển lộ ra nếu không diệt trừ, ắt sẽ làm mối họa lớn. Đáo liền tiếp nhận và đột nhiên nổi giận. Bèn ra lệnh bắt Huyền Cao. Trước đây Ngài đã từng thăm nói với đệ tử rằng: Phật pháp sẽ suy vi. Ta và Sùng công từng gây họa cho ông ta vào đời trước. Bấy giờ người nghe ai nấy đều buồn bã. Lúc ấy có Sa-môn Thích Tuệ Sùng ở Lương châu là bậc thầy của thượng thư Hàn Vạn Đức nhà Ngụy. Oai đức ấy cũng tầm cỡ với ngài Huyền Cao và cũng bị nhiều chướng ngại trong việc hoằng đạo. Đến tháng 9 năm thứ 5 niên hiệu Thái Bình. Huyền Cao và Sùng công đều bị giam cầm, vào ngày 15 tháng đó thì bệnh mất ở ngoại ô phía đông thành Bình. Thọ bốn mươi ba tuổi, năm ấy đúng năm 21 Nguyên hy nhà Tống. Lúc đó môn nhân của Ngài không ai biết. Nhưng vào canh ba đêm ấy chợt thấy hào quang nhiều quay ba vòng chỗ trước đây Ngài ở rồi thu vào thiên thất. Nhân đó nghe trong hào quang có tiếng nói rằng: Ta đã tịch rồi, các vị đệ tử mới biết Ngài đã tịch, vô cùng đau xót chẳng bao lâu sau thỉnh thi hài của thầy về vùng đất trống ở phía Nam thành, tắm rửa sạch sẽ rồi tắm liệm đồng thời xây tháp chôn ngài Sùng công ở một chỗ khác. Đạo tục cả kinh đô vô cùng thương tiếc. Đệ tử Huyền Sùng lúc đó ở Vân Trung cách Ngụy quận sáu trăm dặm. Một hôm trông thấy một người bảo với Ngài rằng: “ Có sự biến”. Rồi cấp cho Ngài một cỗ ngựa chạy 600 dặm. Thế là Ngài quất ngựa ra đi, khoảng mờ tối thì đến kinh đô, mới hiểu rằng thầy đã tịch, lòng vô cùng đau xót. Nhân cùng ngồi khóc với bạn đồng môn rằng: pháp nay đã diệt lại còn phục hưng chi bằng thoát thân này thì càng hưng thịnh. Thỉnh hòa thượng ngồi dậy, đức của thầy siêu việt hơn

người thường, ắt sẽ chiếu sáng vậy. Nói xong thì hai mắt Ngài hé mở, ánh mắt vẫn còn tươi nhuận, thân toát mồ hôi, nhưng rất thơm, chốc lát Hòa thượng ngồi dậy bảo đệ tử rằng: Đại pháp ứng hóa tùy theo duyên mà có thành suy. Thành suy ở nơi sự, còn đối với lý thì xưa nay vẫn như vậy. Nhưng nghĩ đến các ông không lâu nữa cũng giống ta thôi, chỉ có Huyền Sướng nên về phương Nam hóa độ. Sau khi các ông mất rồi pháp sẽ được hưng thịnh lại, hãy khéo tu tâm mình đừng nửa đường thối lui. Nói xong thì nằm xuống mà tịch. Hôm sau định đem linh cữu Ngài nhập tháp nhưng phép nước không cho, đành phải xây mộ an táng. Đạo tục đau buồn khóc không ngừng.

Lúc đó có Sa-môn Pháp Đạt làm chức Tăng chánh ở Ngụy quốc, hâm mộ tài đức của Ngài đã lâu nhưng chưa đến thỉnh giáo được. Chợt nghe tin Ngài đã tịch vì thế mà than khóc nói: “Thánh nhân tạ thế rồi ta biết nương tựa vào ai”, nhiều ngày bỏ ăn uống và luôn gọi thánh nhân cao thượng tự tại sao không hiện một lần. Ứng theo âm thanh ấy thấy Ngài lướt mây đến. Pháp Đạt đánh lễ cầu ai mong được cứu độ. Ngài nói: Nghiệp ông nặng khó cứu. Ông nói thế phải làm gì?

Ngài nói: Từ đây trở đi phải chịu khó nương kinh Phương Đăng siêng năng sám hối thì sẽ được nhẹ nhàng”.

Đạt nói: Thoát được báo khổ nguyện thấy việc xót thương cứu giúp.

Cao nói: không quên tất cả thà rằng ở một mình ông.

Đạt lại nói: Pháp sư cùng với Sùng công thác sinh chốn nào.

Ngài Cao nói: Ta nguyện sinh vào cõi ác này cứu giúp chúng sinh nên sinh vào cõi Diêm-phù-đề. Còn Sùng công thường cầu An Dưỡng nên nguyện đã theo tâm rồi vậy

Pháp Đạt lại hỏi: Không rõ Pháp sư đã chứng địa nào.

Ngài nói: Các đệ tử của ta tự biết.

Nói xong biến mất, Pháp Đạt âm thầm đến dò hỏi các vị đệ tử của Ngài họ đều nói: Đắc nhãn Bồ-tát. Đến năm Thái bình thứ 7 nhà Ngụy. Thác Bạc Đảo quả đúng là hủy diệt Phật pháp, giống như lời ngài Huyền Cao nói. Lúc đó Thư Cừ ở Hà Tây là người tài giỏi đồng thời có vị Sa-môn tên Đàm Diệu cũng rất giỏi thiền học, Ngụy thái phó Trương Đàm kính phục như thầy.

THÍCH TĂNG CHU

Không biết Ngài là người xứ nào, tính cách thanh cao, có những vẻ dị thường, luôn mai danh ẩn tích nên người đời chẳng biết. Thường ở trên Sùng Sơn, đầu-đà tọa thiền, lúc Ngụy sắp diệt Phật pháp. Ngài bảo với môn nhưn rằng: Đại nạn sắp đến, rồi cùng với mấy mươi người đồ đệ lánh vào Hàn Sơn. Núi này ở phía Tây nam Trường An khoảng bốn trăm dặm. Khe suối hang hốc hiểm hóc không có quân binh nào đến được. Thế là Ngài bèn định cư ở đó. Chẳng bao lâu sao Ngụy lỗ nổi loạn, những người ở lại đều bị giết chết. Sau đó hối hận vì tội giết hại, họ Thôi phục hưng Phật giáo. Vĩnh Xương Vương nhà Ngụy trấn nhận Trường An phụng chỉ tu bổ, xây dựng lại chùa chiền và phỏng cầu các vị Sa-môn. Lúc đó có người nói ở Hàn Sơn có vị Sa-môn tài đức phi phàm. Vương liền sai sứ đến cầu thỉnh. Ngài từ chối vì bệnh già, rồi bảo đệ tử Tăng Lượng phụng chỉ xuống núi. Lúc Ngài sắp thị tịch bảo với đệ tử rằng: Ta sắp đi đây. Đêm ấy bỗng thấy lửa từ phía sau giường bốc cháy khắp thân, trải qua hai ngày mới tắt, khói phủ ngút trời mà phòng không thấy cháy, đệ tử thu gom tro cốt bỏ vào trong hộp để nhập tháp. Đệ tử Tăng Lượng họ Lý, người Trường An, thọ giáo nơi ngài Tăng Chu. Ban đầu Vĩnh Xương Vương thỉnh tăng có vị không dám nhận, họ đều cho rằng Phật pháp mới được phục hưng e rằng có điều bất trắc xảy ra. Tăng Lượng nói: Vận may ký thác nơi người chính lúc này. Nếu bị hãm hại chính thân tôi lãnh chịu. Còn như được an toàn đạo có cơ may phục hưng. Lại có thêm sự trợ khuyến của Tăng Chu. Thế là bèn theo sứ giả đến Trường An. Lúc chưa đến, Vương cùng nhân dân quét dọn đường xá, phòng xá tốt đẹp để cung đón Ngài. Vương đích thân ra đường đánh lễ tiếp đón hết mực cung kính. Ngài răn dạy ngăn dứt tai họa gieo hồi trước, khai thị lý nhân quả. Lời lẽ hợp lý nhu hòa mà lại thâm thiết. Thính giả buồn vui lẫn lộn mà không thể ngăn được. Thế là Ngài trùng tu lại chùa cũ, cầu thỉnh Sa-môn, Phật pháp ở Quan Trung được chấn hưng, đó là nhờ công lao của ngài Tăng Lượng vậy.

THÍCH TUỆ THÔNG

Ngài là người Quan Trung, lúc nhỏ ở chùa Thái Hậu, Trường An, ăn chay trì chú, tụng kinh Tăng Nhất A-hàm. Ban đầu theo thiền sư Tuệ

Thiệu ở Lương châu thọ học thiền pháp. Thông thạo pháp môn một cách vượt bậc. Sau đó cầu nguyện Di-đà và chuyên tâm nơi tịnh cảnh. Lúc vừa khởi bệnh liền nhập định, ở trong định thấy một người hình dáng đoan nghiêm, nói với Ngài rằng: Lát nữa sẽ đến, chốc lát thấy đức Vô Lượng Thọ hào quang rực rỡ. Nhân đó ngài xuất thiền, bảo với các bạn đồng học về những điều xảy ra trong thiền. Nói xong thì tịch luôn. Mùi hương lạ lan khắp phòng ba ngày mới hết, thọ năm mươi chín tuổi.

THÍCH TỊNH ĐỘ

Ngài là người Dư Hàng, Ngô Hưng. Tuổi nhỏ rất thích săn bắn. Có lần ông bắn trúng con nai đang mang thai và bị trụ thai. Nai mẹ đau đớn mà vẫn còn cúi xuống đất liếm con. Độ bèn tỉnh ngộ. Nhân đó mà buông cung ném tên xuất gia học đạo. Tụng kinh hơn ba mươi vạn lời. Thường ở nơi sông núi vắng vẻ tọa thiền đọc tụng hoặc trong quận (ấp) lập trai đàn, đích thân Ngài đến đó đốt chín ngọn đèn sáng rõ để cúng dường. Như vậy nhiều năm. Sau đó bỗng bảo đệ tử rằng: Hãy sắm dầu thơm để ta tắm rửa. Thuyết pháp mấy ngàn chương, răn dạy về luật nhân quả sanh tử, nói xong lặng lẽ thác hóa. Nhạc trống hương khói nổi lên từ hư không. Đồng thời mấy mươi vị đệ tử đều cùng nghe thấy.

THÍCH TĂNG TÙNG

Chưa rõ Ngài là người xứ nào, bảm tánh thư thái, điềm tĩnh, ẩn cư nơi núi Bộc Bố xứ Thỉ Phong, học thông nội ngoại điển, tinh tu ngũ môn, không ăn ngũ cốc chỉ ăn táo lê. Khi tuổi sắp một trăm mà thần khí vẫn tráng kiện, lễ tụng không ngưng. Cùng với ẩn sĩ Bồ Bá Ngọc làm bạn nơi Lâm hạ. Mỗi lần luận đạo thuyết nghĩa, bèn lưu lại nơi liên tít. Sau đó mất trong núi.

THÍCH PHÁP THÁNH

Ngài là người Lương châu, lúc mười sáu tuổi xuất gia học thông kinh luật, không ăn ngũ cốc chỉ ăn nhựa thông, ở ẩn trong hang núi tu tập thiền định. Vào giữa niên hiệu Nguyên gia Vương Hoài Tố ở Đông Hải đi tuần thú chốn Ba Tây, nghe danh tiếng Ngài bèn sai sứ rước Ngài về Bội Thành. Suốt mùa hạ Ngài giảng luật xong bèn từ giả trở về. Nhân lúc dừng lại Quảng Hán, Ngài hoàng truyền thiền pháp. Sau đó mắc bệnh và bảo chúng tăng: tôi thường tụng kinh Bảo Tích. Thế rồi tự lực tụng, mới được nửa quyển hơi yếu dần rồi không tụng tiếp được nữa, bèn bảo người tụng một biến, vừa xong thì Ngài chấp tay thị tịch, hơn mười người hầu bệnh đều thấy trên hư không ngựa cưỡi một chiếc quan tài lướt mây mà đi.

THÍCH TUỆ LÂM

Ngài họ Thành người Tửu Tuyên, thuở nhỏ cùng với Huyền Cao lấy tịch quán làm phương pháp chính yếu, Ngài từng chu du từ Tây Vực đánh lễ bát Phật. Rồi ở nơi nước Kế Tân theo Đạt-ma Tỳ-kheo vấn tham thiền pháp. Sư Đạt-ma từng nhập định sang cõi trời Đâu-suất, thọ giới Bồ-tát nơi Phật Di-lặc, sau đó đem giới pháp truyền cho ngài Tuệ Lâm. Ngài Tuệ Lâm lên đường về đến Vu Điền lại đem giới pháp ấy truyền lại cho các vị học tăng ở các nơi rồi mới trở về. Trên đường về Hà Nam, Mộ Diên thế tử Quỳnh là người dân tộc Thổ Cốc Hồn ở Hà Nam kính ngưỡng oai đức của Ngài nên sai người mang phẩm vật tiền tài lập một ngôi chùa Tả Quân ở Thục. Ngài đến đó ở sau này dời về chùa Thiên Cung ở La Phù.

Tổng Văn thỉnh Ngài về kinh đô ở chùa Định Lâm, Chung Sơn. Hiếu Vũ xây chùa Trung Hưng rồi hạ chiếu sắc phong Ngài làm trụ trì. Thiên Tăng ở kinh ấp đều theo Ngài học thiền. Ngô Hưng, Thẩm Diễn, Bình Xương, Mạnh Ý đều ngưỡng mộ đạo đức của Ngài, nên xây thiền thất trong chùa cho Ngài ở. Ngài tịch vào khoảng giữa niên hiệu Đại minh nhà Tống thọ sáu mươi tuổi.

THÍCH PHÁP KỲ

Ngài họ Hương, là người ở ngoại ô Thục quận, cha mẹ mất sớm, ngài kính anh như cha, năm lên mười bốn tuổi xuất gia. Theo ngài Trí Mãnh thọ học thiền pháp và cùng với bạn đồng học là Pháp Lâm ở chùa Linh Kỳ tu tập thiền quán. Trí Mãnh biết rõ họ đều đã chứng đắc. Sau đó gặp ngài Huyền Sướng lại theo thọ học, rồi cùng với Huyền Sướng về Giang Lăng. Trong mười môn thập trụ Ngài đã thông đạt hết chín, chỉ có Tam-muội Sư tử phấn tấn là chưa thấu được. Huyền Sướng khen rằng: Ta từ Tây Vực đến Lưu Sa, phương Bắc đi khắp nơi hẻo lánh, phương Đông dò tìm tận chốn hang hóc, phương Nam đi khắp mọi nơi. Chỉ thấy một mình ông này có thiền phần. Sau đó Ngài tịch ở chùa Trường Sa thọ sáu mươi hai tuổi, thần sắc sáng rỡ, trên thi thể lại tỏa ra mùi hương tinh khiết. Lúc đó ở chùa Long Hoa đất Thục có vị sư Thích Đạo Quả cũng là bậc rạng danh về thiền học.

THÍCH ĐẠO PHÁP

Ngài họ Tào, người Đôn Hoàng, từ khi xuất gia học đạo chuyên tinh thiền nghiệp, đồng thời trì thần chú. Sau đó vân du tới Thành Đô được Vương Hựu Chi, Phí Kiên Chi thỉnh về chùa làm trụ trì hai chùa Hương Tích và Hưng Lạc, có công lao trong việc giảng dạy tăng chúng, thường đi khát thực, không thọ thỉnh riêng và ăn cơm chúng Tăng. Đồ khát thực thường được Ngài thí cho chim chóc, côn trùng một nửa. Mỗi đêm thường cởi áo ở trên ngai để bố thí cho muối. Ngài làm như vậy nhiều năm. Sau đó nhập định thấy Phật Di-lặc phóng hào quang giữa chạng mây chiếu soi quả báo tam đồ. Thế là Ngài càng nỗ lực tinh tấn hơn. Thường ngai không nằm, năm thứ 2 Nguyên huy Ngài thị tịch ở chùa Định Trung. Ngai ngay ngắn trên giường dây mà sắc mặt vẫn tươi tắn như ngày thường.

THÍCH PHỔ HẰNG

Ngài thuộc dòng họ Quách, người ở Thành Đô Thục Quận. Lúc

còn nhỏ có lần ngài thấy trong ánh mặt trời có vị thánh tăng thuyết pháp trong hư không. Ngài kể lại chuyện này cho người nhà nghe, nhưng họ vẫn không tin, sau đó Ngài tha thiết xin cha mẹ cho xuất gia ở chùa An Lạc vùng Trì Hạ, ở riêng một phòng không quyến thuộc. Tập tu thiền định và rất khéo xuất, nhập, trụ, rất tâm đắc với Luật sư Thục Thao. Ngài tự nói mình nhập hỏa quang Tam-muội, phóng ánh sáng từ chân mày thẳng đến mé Kim cang, trong ánh sáng ấy thấy các sắc tượng, thấy rất rõ về nghiệp báo đời trước. Vào niên hiệu Thăng minh thứ 3 nhà Tống Ngài thị tịch, thọ bảy mươi tám tuổi. Lúc sắp lâm chung Ngài đến từ biệt thân bằng quyết thuộc. Nhưng không tỏ chút bịn rịn. Lúc ấy, người ta bảo Ngài nói đùa, lúc Ngài sắp mất có chút bệnh. Chỉ có một người hầu tại gia thấy biết thôi. Sáng hôm sau Ngài tọa thiền rồi viên tịch. Người tớ hầu không biết gì bèn gượng đỡ ông nằm xuống, nhưng thi hài vẫn không duỗi ra. Chúng tăng đến đó thấy vậy bèn đỡ Ngài ngồi lên. Chỉ có ba ngón tay cong lại còn các ngón khác duỗi thẳng. Chúng tăng thử kéo ra các ngón ấy cũng duỗi ra nhưng rồi co lại. Lúc Ngài còn sống thì cơ thể vốn sạch sẽ đến khi tịch rồi còn trắng sạch hơn. Lúc đó theo cách thức nên đem trà-tỳ. Khi giàn củi bắt đầu cháy thì có luồng khói năm màu bắt đầu bốc lên, tỏa ra mùi hương thơm phức. Vương Huyền Đới ở Tương châu bèn khen rằng.

*Đại giác miếu vô tượng
Huyền ứng quý vọng tịnh
Nhứt niệm hội đạo tràng
Không quá vạn kiếp vãng
Tín tâm hư đồng tưởng
Ngộ thánh tảo Tây ảnh
Diệu thú trường Tam giới
Truyền thần tứ thiên cảnh
Tục vật cố tham sai
Chân tánh lý hằng bình
Thao quang ký phù thế
Di đức phương hóa huýnh*

THÍCH PHÁP NGỘ

Ngài là người nước Tề, gia đình Ngài trồng dâu nuôi tằm, có sáu người con trai đều trưởng thành. Năm được năm mươi mất vợ, cả nhà

đau buồn đồng thời cũng rất mến mộ Phật pháp nên bầy cha con xuất gia. Bấy giờ lội suối từ miền Nam đến Vũ Xương, thấy vùng đất ở Phàn sơn có thể làm nơi cư ngụ. Đó là chỗ ở của ẩn sĩ Quách Trường Tường, thế là họ có ý muốn ở chung. Khi ấy thái thú Vũ Xương Trần Lưu Nguyễn Hối hay tin đến chơi, nhân đó phá đường mở lối lập một căn nhà. Ngài không ăn gạo trắng mà dùng gạo lúa mạch. Ngày chỉ ăn một bữa thôi. Tụng Đại Tiểu phẩm Pháp Hoa, luôn hành đạo trong sáu thời, hành hạnh đầu-đà nơi sông núi không kể hang hốc, có khi tọa thiền dưới gốc cây, hoặc có khi cả ngày không xả thiền, Ngài tịch ở trong núi vào năm thứ 7 Vĩnh minh nhà Tề, thọ bảy mươi chín tuổi. Sau đó có Sa-môn Đạo Tế nối bước theo đạo nghiệp thanh cao của Ngài, nay ở Vũ Xương gọi chỗ Ngài là chùa Đầu-đà vậy.

THÍCH TĂNG THẨM

Ngài họ Vương, người ở quận Thái nguyên, là hậu duệ của Ky phiêu Thẩm nhà Tấn. Tổ tiên nhà Ngài ngụ ở quận Tiều. Ngài xuất gia từ thuở bé ở chùa Thạch Giản Thọ Xuân. Tụng kinh pháp Hoa, Lăng-nghiêm. Thường gọi là phi thiền bất trí(không thiền định thì không phát sinh trí tuệ), thế là chuyên tâm tu thiền. Hay tin Đàm-ma Mật-đa giảng đạo cho vua ở Kinh ấp. Thế là Ngài lên đường vượt sông đến ở chùa Linh Diệu. Tinh tấn tham vấn cầu học nghiên cứu đến tận nguồn cội pháp điển. Lúc ấy bọn giặc kéo vào núi. Ngài vẫn ngồi yên bất động, rồi cỡi y cho họ đồng thời thuyết pháp răn dạy họ, bọn giặc xấu hổ toát mồ hôi, bèn làm lễ rồi lui xuống. Ngài Tuệ Cao chùa Linh Thứu theo sư thọ học thiền pháp, đồng thời thỉnh sư Thẩm về chùa. Xây riêng một ngôi thiền thất, Trương Chấn ở Thanh Hà sau này lại thỉnh sư về ở chùa Thê Huyền. Văn Tuệ, Văn Tuyên đều rất cung kính và phụng sự. Truyền Diễm Tú, Xích Phủ đều cầu Ngài giới huấn. Vua kính trọng nên vào thiền phòng tìm Ngài. Chính lúc thấy Ngài nhập thiền nên đàn chỉ rồi quay ra, cho rằng đó là bậc Thánh, liền chở một ngàn đấu gạo đến cúng và thỉnh Ngài truyền tam quy. Ngài tịch năm Vĩnh Minh thứ 8, thọ bảy mươi lăm tuổi. Lúc đó các vị Tăng Khiêm, Siêu Chí, Pháp Đạt, Tuệ Thắng đều thọ thiền pháp nơi Ngài. Cũng đều là những vị thiền tăng kiệt xuất.

THÍCH ĐÀM SIÊU

Ngài họ Trương, người Thanh Hà, thân cao tám thước, tướng tá phong độ. An uống đạm bạc, mặc đồ thô sơ chỉ một bộ mà thôi. Ban đầu ở chùa Long Hoa chốn kinh đô. Đến cuối niên hiệu Nguyên gia Ngài về phương Nam tham quan khắp chốn sông núi ở Thi Hưng. Rồi chọn một gốc cây để ở, hổ báo không hại Ngài. Vào giữa niên hiệu Đại minh Ngài trở về kinh đô, đến khi Tề Thái Tổ lên ngôi, Ngài được vua sắc phong về Liêu Đông hoằng dương thiền pháp. Ngài lưu lại ở đó hai năm hoằng truyền đại pháp. Cuối năm Kiến nguyên Ngài trở về kinh. Chẳng bao lâu sau Ngài lại đến núi Long Ẩn huyện Tuyên Đường. Mỗi lần nhập vào thiền định thì suốt mấy ngày không xả. Sau đó chợt nghe tiếng sấm chớp, lát sau thấy một người cầm chiếc hốt đến xưng là Nghiêm Trấn Trần Thông. Lát nữa lại có một người đến hình dáng thật đoan nghiêm, cận vệ hai hàng, ông phủ phục làm lễ và tự xưng là đệ tử ở cách đây bảy dặm trấn nhậm cả vùng này, vâng lệnh Pháp sư mà đến. Cho nên đến đây thi lễ. Người ở huyện Phú Dương mùa đông năm xưa từng đục vách tường phòng của Nhược Long ở dưới chân núi Mi. Bầy Rồng nổi giận nên ba trăm ngày không mưa, nay đã hơn một trăm ngày giếng ao hồ đều khô cạn nên ruộng rẫy cũng ảnh hưởng theo. Pháp sư là bậc đã có đạo đức lại giỏi pháp thần thông, muốn thỉnh Ngài chỉ đường nhất định cảm thấm nhuần đến tất cả hàm linh, công lao ấy sẽ có chỗ quay về.

Ngài nói: hô mưa gọi gió là sức của đàn việt, bản đạo đâu có khả năng ấy. Thần nói: Đệ tử là loài ẩn có thể hỏi mây chứ không thể giáng mưa. Thế nên mới đến đây thỉnh Ngài vậy, Ngài bèn hứa khả. Thần vội vã ra đi, Ngài bèn về phương Nam trải qua năm ngày đến núi Xích Đỉnh. Từ xa chú nguyện thuyết pháp cho rồng, đến nửa đêm bầy rồng hóa làm thân người đến lễ bái Ngài. Siêu liền thuyết pháp nhân đó họ xin thọ Tam quy tự xưng là rồng. Ngài bèn bảo họ tạo mưa, họ nhìn Ngài mà không nói, đêm đó báo mộng cho Ngài rằng: Xưa vì giận nên lập lời thề, Pháp sư đã hướng dẫn cải thiện nên chúng con không dám làm trái lệnh. Ngày mai trời sẽ đổ mưa, nên hôm sau Ngài trở về chùa Lâm Tuyên, sai người báo cho huyện lệnh chuẩn bị thuyền để Ngài xuống sông chuyển đọc kinh Hải Long Vương. Huyện lệnh liền thỉnh Tăng bồi thuyền Thạch Thủ, kinh đọc vừa xong trời bỗng đổ mưa lớn. Cao thấp đều thấm nhuần mùa màng bội thu. Ngài tịch vào năm thứ 10 Vĩnh minh. Thọ bảy mươi bốn tuổi.

THÍCH TUỆ MINH

Ngài họ Kiên, người nước Khang Cư. Tổ tiên nhà Ngài lánh nạn sang Đông Ngô. Ngài xuất gia thuở nhỏ ở Đông tự, Chương An. Vào giữa năm Kiến nguyên nhà Tề, Ngài cùng Sa-môn leo lên núi Xích Thành ở trong thất đá. Nhìn thấy thi thể của Do công không hư hoại mà thiên thất hoang vu không ai nối tiếp thay thế. Ngài bèn sai người dọn dẹp rồi xây đường thất và tạo một tượng Phật nằm và một tượng Do công. Thế rồi Ngài chuyên tâm thiền tụng đến nỗi xác thân khô héo. Sau đó trong định thấy một nữ thần, tự xưng là Lữ Mỗ nói rằng luôn đến ủng hộ, hoặc có lúc thấy vợ trắng, nai trắng, bạch xà, bạch hổ đùa giỡn trước sân Ngài. Thuần phục uyển chuyển không làm cho người sợ. Tề Cảnh Lăng Văn Tuyên Vương nghe tin đều rất thần phục, nhiều lần sai tam sứ ân cần cầu thỉnh. Ngài bèn rời kinh sư đến đó một chuyến. Văn Tuyên cung kính Ngài bằng lễ thầy trò, nhưng chỉ một thời gian ngắn Ngài từ giả trở về núi. Ông năn nỉ hết lời nhưng không được. Thế là ông cung cấp lương thực sai người đưa Ngài về. Vào cuối niên hiệu Kiến Vũ Ngài tịch trong núi, thọ bảy mươi tuổi.

Luận rằng:

Thiền là nói về sự nhiệm mầu của vạn vật, cho nên có thể không pháp không duyên, không cảnh, không quán sát. Nhưng có duyên, có cảnh, có quán, có pháp thì chỉ tịch tịnh mới thấy rõ. Nó cũng giống như ao sâu sóng lặng thì mới thấy rõ đá và cá. Nước tâm đã lắng thì nó sẽ chiếu soi tỏ rõ. Lão tử nói: Trọng là gốc của khinh, tĩnh là ông chủ của náo động. Cho nên khinh nhất định phải lấy trọng làm gốc. Tháo động nhất định phải lấy tĩnh làm nền tảng. Đại Trí Độ Luận nói: Thí như uống thuốc thì phải dưỡng thân, tạm ngưng việc nhà, khi khí lực hồi phục lại thì mới lo việc nhà. Cũng thế lấy sức thiền định uống thuốc trí tuệ, đạt được sức rồi mới trở lại hóa độ chúng sinh. Bởi vì tứ bình đẳng và lục thông là nhờ thiền định mà có, bát trừ thập nhập nương sức định mà thành. Nên biết rằng công năng của thiền định rất lớn vậy. Từ khi giáo pháp được truyền sang phương Đông thì thiền đạo cũng được truyền trao. Trước tiên là do ngài An Thế Cao, Trúc Pháp Hộ dịch kinh thiền. Các ngài Tăng Quang, Đàm Do đều nương vào giáo mà tu tâm. Rốt cuộc thành tựu sự nghiệp thù thắng. Cho nên có thể đạt đến sự hỷ lạc bên trong và chiết phục được ma quỷ bên ngoài. Đuổi quỷ ma nơi bậc cao, thấy thần Tăng trong thạch thất. Và như Sa-môn Trí Nghiêm sang Tây Vực thỉnh thiền sư nước kế Tân là Phật-đà Bạt-đà rồi truyền

bá thiền pháp vào Đông độ. Các ngài Huyền Cao, Huyền Thiệu..v..v.. đích thân thọ ghi tặc. Ra vào nhiều lần nơi đất Tỳ. Tối lui trọn cùng nơi hoàn tịnh. Rồi sau đó Tăng Chu, Tịnh Độ, Pháp Ký, Tuệ Minh cũng nối gót theo. Nhưng dụng của thiền là làm hiển rõ, là thuộc về thần thông. Cho nên khiến cho cõi tam thiên thu vào đầu sợi lông. Bốn biển kết thành vầng mỡ. Xuyên qua vách đá mà không hề vướng mắc. Nâng cả đại chúng mà chẳng hề dãi. Còn như luận về thế đạo rồi ren, tiên thuật hoang đường, vẫn còn có thể ngăn sóng dứt mưa, chú hỏa thiêu quốc. Và như Ngài Huyền Cao tịch rồi mà còn ngồi dậy. Đạo Pháp ngồi mà thác hóa. Điều đó đủ thấy là điềm linh dị vậy. Còn như Uất – đầu-lam-phát rốt cuộc bị cầm thú quấy nhiễu. Độc giác Tiên nhân cuối cùng bị Phiến-đà làm loạn, đều do đạo tâm tuy nhiếp mà lại tương ứng với ái kiến. Tỉ như đom đóm mà so với ánh sáng, mặt trời, mặt trăng đâu đáng kể nói.

Khen rằng: Thiền-na tịch lặng, chánh thọ sâu mầu, mượn pháp dứt tư lự để hoàn bị tâm mầu, năm môn bỏ ác, cửu thứ từng lâm, nung khô sơn hải, hợp tan chìm nổi. Nhờ đức này thấm nhuần vậy. Như vậy mà không gắng làm sao.

MƯỜI BA VỊ THÔNG LUẬT

THÍCH TUỆ DO

Ngài là người vùng Giang Tả, thuở nhỏ xuất gia ở Tân tự xứ Giang Lăng. Tuổi còn nhỏ mà sống rất đạm bạc, tánh tình ngay thẳng. Cho đến khi thọ cụ túc giới rồi bèn chuyên tinh gìn giữ cấm giới. Lúc ấy có luật sư Tỳ-ma La-xoa đến Giang Lăng hoằng dương luật tạng. Ngài theo sư thọ giáo. Nghiên cứu tư duy sâu sắc nhiều ngày nên thấu rõ Thập tụng, thế là Ngài giảng dạy liên tục. Các vị luật sư ở Thiểm Tây ai cũng kính trọng Ngài. Sau đó Ngài tịch ở Giang Lăng. Soạn bộ nghĩa sơ Thập Tụng gồm tám quyển.

THÍCH TĂNG NGHIỆP

Ngài họ Vương, người Hà Nội, thuở nhỏ đã thông minh đỉnh ngộ, thông thạo các sách vở. Sau đó đến Trường An theo ngài La-thật cầu pháp, gặp bộ Thập Tụng vừa dịch ra nên chuyên tâm nghiên cứu bộ này. Tài năng trời ban nên thấy hết chỗ sâu nhiệm. La-thật khen rằng: Đây chính là hậu thân của Ưu-ba-ly. Cho đến lúc ở vùng Quan Trung xảy ra nhiều tai nạn Ngài lánh sang kinh sư. Trương Thiệu người nước Ngô, ngưỡng mộ phong cách trong sáng của Ngài, nên thỉnh về Cô Tô và xây chùa Nhân Cư, địa thế thông thoáng lại nằm bên sông Trường Xuyên. Ngài ở đó dạy dỗ, giáo hóa không ngừng nghỉ. Học sĩ ở tam Ngô hội tụ vô số. Ngoài thời gian giảng đạo còn lại thì chuyên tâm nơi thiền môn. Mỗi khi bắt đầu nhập thiền thì lại tỏa ra mùi hương lạ xông khắp cả phòng. Những vị thiền giả ngồi gần Ngài đều ngửi thấy mùi thơm nên họ đều khen là thần dị. Xưa La-thật ở Quan Trung chưa dịch bộ Thập Tụng, mà dịch Giới Bản trước cho đến khi ngài Lưu Chi vào nước Tần mới truyền “Đại bộ”. Cho nên giới tâm tương đồng với ý trong đại bản của Ngài, trong lời văn có chỗ khác. Ngài bèn sửa lại cho giống Đại Bản, nay truyền tụng hai bản song hành, Ngài tịch vào năm 18 Nguyên hy tại Ngô Trung, thọ bảy mươi lăm tuổi, đệ tử của Ngài là Tuệ Tiên nương theo quy củ thanh cao của thầy cũng thường đem thuyết giảng.

THÍCH TUỆ TUÂN

Ngài là người họ Triệu ở Triệu quận. Thuở nhỏ mà đã ăn uống đạm bạc khổ hạnh, rồi lại qua Trường An thọ giáo ngài La-thật, nghiên cứu sâu xa kinh luận, đặc biệt thông thạo về các bộ Thập Tụng, Tăng-kỳ, nên chế ra các điều chương, nghĩa thông suốt muôn đời. Vào giữa niên hiệu Vĩnh Sơ nhà Tống, Ngài trở về Giang Lăng mở một đàn giới lớn. Vào niên hiệu Nguyên hy Ngài đến kinh sư ở chùa Đạo Tràng. Vị Tăng ở chùa này là Tuệ Quán cũng tinh thông Thập Tụng. Ngài lấy đức của sư Tuân làm mô phạm cho chúng tăng. Vì thế khiến cho ngôi chùa này hưng thịnh lên. Sau đó Ngài đến chùa Trường Lạc và tịch vào năm thứ 2 Đại minh, thọ tám mươi bốn tuổi.

THÍCH TĂNG CỪ

Ngài họ Chu người nước Ngô, xuất gia làm đệ tử ngài Tăng Ng-
hiệp. Thông suốt rành rẽ các kinh, nhất là luật Thập tụng, đồng thời
tinh tường cả sử sách lại soạn ra những quyển bình luận về văn sử. Ban
đầu ở núi Hổ khâu nước Ngô. Tống Hiếu Đế ngưỡng mộ tiếng tăm của
Ngài bèn mời Ngài về Kinh Sư làm Tăng chánh duyệt chúng ở chùa
Trung Hưng. Bấy giờ có Sa-môn Tăng Định tự xưng là chứng quả Bất
Hòan. Ngài Tăng Cừ nhóm chúng muốn rõ thật hư bèn bảo ông hiện
thần túc. Ông bảo vì sợ phạm giới nên không hiện được. Ngài căn cứ
vào văn luật có bốn nhân duyên được thị hiện thần túc. Thứ nhất là,
đoạn lười nghi; thứ hai là, phá tà kiến; thứ ba là, trừ kiêu mạn; thứ tư là,
vì thành tựu công đức, Tăng Định đã mắc tội nói dối, sự thật được phơi
này nên ngày hôm sau liền bị đui. Ngài còn soạn các bộ luật về giới
để nói rõ nghiệp đời sau này. Ngài là một bậc đã thông thạo nội ngoại
điển lại có giới hạnh trong sạch, đạo tục quy y, xe cộ tới lui không ngớt.
Thiếu Đế chuẩn theo Ngài thọ năm giới. Vương tử ở Dự Chương vì ưa
mến kính ngưỡng nên kết làm bạn hữu. Viên Xán, đều chỉ một lần gặp
mà vô cùng ngưỡng mộ. Sau đó Ngài dời về chùa Trang Nghiêm và tịch
ở đó, thọ năm mươi tám tuổi.

Ngài trước thuật bộ Thắng Man Văn Chỉ, và soạn hai quyển Tăng
Ni Yếu Sự, nay vẫn còn lưu hành ở đời. Lúc ấy là bậc chánh trực có đạo
hạnh thanh cao. Tống Minh Đế hạ chỉ bảo Tấn Hi Vương theo Ngài thọ
giới.

THÍCH TĂNG NGHIÊM

Ngài là người vùng Tiểu Hoàng Ung Châu, thuở nhỏ đã có giới
hạnh lại giỏi Tỳ-ni, nghiên cứu tinh tường bốn bộ, dung hội các nhà,
Ngài cho rằng bộ luật Đông truyền Phạm Hán âm khác nhau, văn trái
ngược sợ người sau mơ hồ không biết nên Ngài chốt lại yếu chỉ gọi là
“Quyết Chánh Tứ Bộ Tỳ-ni Luận”. Sau đó vân du sang Bành Thành,
hoàng dương luật tạng, rồi tịch ở đó, thọ bảy mươi lăm tuổi. Lúc ấy
ở chùa Thê Huyền lại có ngài Thích Tuệ Diệu cũng rất giỏi về Thập
Tụng.

THÍCH TĂNG ẨN

Ngài họ Lý, người xứ Lăng Tây Tần châu, gia thế vốn chánh tín Tam Bảo nên năm lên tám bèn xuất gia và ăn chay trường, đến năm mười hai tuổi thì ăn uống đạm bạc, và đến khi thọ giới cụ túc thì càng gìn giữ nghiêm ngặt hơn. Thường dạo tâm nơi vườn luật, thông suốt Thập tụng. Còn tụng kinh Pháp Hoa, Duy-ma. Nghe ở miền Tây Lương châu có Pháp sư Huyền Cao, thiên tuệ đều cao siêu, bèn khăn gói đến đó tham học. Thế rồi học trọn Thiền môn, thấu tột yếu luật. Sau khi ngài Huyền Cao thị tịch. Ngài lại vân du sang hướng Tây đến xứ Ba Thục chuyên tâm hoằng hóa. Chẳng bao lâu sau Ngài xuôi về Đông ở chùa Tỳ Bà vùng Giang Lăng, tham học nơi ngài Tuệ Triệt. Vị này cũng là bậc nổi tiếng đương thời và đạo hạnh vang khắp muôn nơi. Tăng Ẩn đến tham học một thời gian ngắn mà thấu tột yếu nghĩa các kinh luật, tiếng tăm về Thiền tuệ trùm khắp Kinh Sở. Dương Vương, Lưu Hưu Hựu ở núi Châu Tương và trường sử Trương Đại đều bảm thọ giới pháp nơi Ngài. Sau đó thứ sử Vương Hưu Nhã ở Ba Lăng và Lương Cảnh Tố ở Kiến Bình đều xa giá đến thiền phòng, quỳ lạy cung kính. Sau này Ngài trở bệnh một thời gian ngắn và hỏi thị giả mặt trời đứng bóng chưa? Đáp: Đã đứng bóng rồi. Bèn lấy nước súc miệng, khi ấy diện mạo còn tươi tắn bỗng nhiên thác hóa, thọ tám mươi tuổi. Khi ấy chùa Thượng Minh ở Giang Lăng cũng có luật sư Thành Cụ rất giỏi về Thập tụng và Tạp Tâm, Tỳ-đàm.

THÍCH ĐẠO PHÒNG

Ngài họ Trương, người vùng Ngũ Thành huyện Quảng Hán. Đức hạnh trong sáng, thuở nhỏ đã giỏi về luật học, ở chùa Trường Lạc, Quảng Hán. Mỗi lần đốt hương lễ Phật thì khói hương bay thẳng lên đỉnh Phật, lại siêng dạy môn nhơn sửa ác làm lành, người nào không sửa đổi thì Ngài rơi lệ. Sau đó mất tại chùa này thọ một trăm hai mươi tuổi.

THÍCH ĐẠO DOANH

Không rõ Ngài là người xứ nào, lúc đầu ở chùa Linh Diệu tu thiền, sau đó y chỉ hai vị luật sư Quán, Tuân thọ học Tỳ-ni, đặc biệt rất giỏi về bộ Tăng-kỳ. Tụng kinh pháp Hoa, Kim Quang Minh, chay lạt thủ tiết. Các vị Trang Nghiêm, Đạo Tuệ, Trì Thành, Trí Tú đều là bậc thầy giới hạnh mô phạm của Ngài. Sau đó Trương Vĩnh thỉnh Ngài về Ngô quận. Thái Hưng tôn sùng nên muốn Ngài ở Thượng Ngự. Sau đó Trương Vĩnh lập ngôi chùa Nhân Tâm trong vườn Lũ Hồ ở kinh sư lại thỉnh Ngài về ở. Hội giảng ngày càng đông đảo đồ chúng. Ngài tịch vào năm thứ 2 Thăng minh, thọ tám mươi ba tuổi.

Bấy giờ có ngài Thích Tuệ Hựu vốn là người Đan Đô, xuất gia năm ba mươi tuổi, đầu-đà khổ hạnh chuyên tinh giới luật, vào đầu đời Tề, Ngài vào Đông Sơn giảng bộ Ma-ha Tăng-kỳ, Vương tử Lương con Tề Cảnh Lăng sai người rước Ngài về kinh đô và cũng ở tại chùa Nhân Tâm.

THÍCH CHÍ ĐẠO

Ngài họ Nhậm, người Hà Nội, tính tình ôn hòa kính cẩn, xuất gia năm mười bảy tuổi ở chùa Linh Diệu. Thanh bần thiếu dục, ngoài sáu món đồ ra không chứa vật gì, học thông Tam tạng, sở trường về luật học, Hà Thượng Chi ngưỡng mộ đức hạnh nên đánh lễ mời Ngài về chùa Pháp Luân do ông xây. Thuở trước Ngụy Lễ hủy diệt Phật pháp nên đời sau khi Phật pháp hưng lại thì việc truyền giới phần nhiều kh-iếm khuyết. Ngài đã phát nguyện hoàng dương không nề khổ nhọc. Thế là bèn dắt hơn mười người đồng tâm đến Hồ lao vân tập năm châu đạo sĩ là Lạc, Tần, Ung, Hoài, Dự ở chùa Dẫn Thủy giảng luật, làm sáng tỏ giới và nêu bày pháp thọ. Tăng cấm ở Ngụy quốc được hoàn bị là nhờ công lao của Ngài. Sau đó Ngài về Kinh Ấp, Vương Hoán đến trấn nhậm Tương châu nên cả hai cùng đi. Ngài tịch vào năm Vĩnh minh thứ 2 ở đất Tương, thọ bảy mươi ba tuổi. Lúc bấy giờ ở chùa Ngõa Quang, kinh sư lại có vị sư tên Siêu Độ cũng giỏi Thập Tụng và Tứ phần, trước tác luật học gồm bảy quyển.

THÍCH PHÁP DĨNH

Ngài họ Tố người Đôn Hoàng, mười ba tuổi xuất gia thờ ngài Pháp Hương làm thầy ở chùa Công Phủ Lương châu cùng với bạn học là Pháp Lực lấy luật tạng làm đề mục. Khi Ngài đã thuần thực rồi, học không còn thính nữa, nhớ rõ trong ký ức, chuyên nghiên cứu luật tạng, thông suốt các kinh luận. Cuối niên hiệu Nguyên gia Ngài về kinh đô ở chùa Tân Đình, Hiếu Vũ miền Nam tu bỏ lại chùa này, biết Ngài có sự học siêu tuyệt và tài đức sắc phong làm Tăng chánh ở Đô ấp. Sau đó Ngài từ chức về chùa Đa Bảo. Thường nhập định trong thiền phòng và mở hội giảng luật. Đến khi Tề Cao đăng vị, lại sắc phong Ngài làm Tăng chủ. Ứng hộ phụng sự mọi sự mọi việc gấp bội thường tình. Ngài đem của tín thí ra xây phòng chứa thuốc và tạo kinh tượng đặt ở Trường Can. Ngài tịch năm thứ tư Kiến Nguyên nhà Tề, thọ sáu mươi bảy tuổi, soạn Thập Tụng giới Bản và Yết-ma ...v..v

Lúc ấy chùa Thiên Bảo lại có luật sư Tuệ Văn cũng thông thạo các bộ Tỳ-ni, được Vương Hóan ở Lang Nha rất mực cung kính.

THÍCH PHÁP LÂM

Ngài họ Nhạc người Lâm Ngang Phổ, Nguyên, tuổi trẻ xuất gia ở chùa Búi, Thục quận, chuyên rông giới luật, hết lòng để tâm nghiên cứu Thập Tụng luôn hân ở Thục quận không gặp bậc minh sư, chẳng bao lâu Ẩn công đến đất Thục. Ngài bèn khắc kỷ tôi luyện không kể ngày đêm, cho đến khi Ẩn công trở về Thiểm Tây, Ngài lại theo sư mấy năm. Thông suốt mọi luật đến chỗ thâm áo. Sau đó Ngài trở về chùa Linh Kiên đất Thục. Tăng Ni ở Ích Bộ ai ai cũng sùng kính Ngài. Ngài lại chuyên tâm cầu sinh Cực lạc. Mỗi khi tụng kinh Vô Lượng Thọ và Quán Kinh thì thấy một vi Sa-môn thân hình tuyệt mỹ đến đứng trước Ngài. Đến năm Kiến Vũ thứ 2 nhà Tề, Ngài nhuốm bệnh không khỏi, chuyên tâm niệm Di-đà lễ sám liên tục, nên thấy các vị hiền thánh đều đến đứng trước Ngài. Thế là Ngài thuật rõ mọi việc đã thấy cho đệ tử nghe và bảo sau khi Ngài mất hãy thiêu thân. Nói xong chấp tay mà tịch. Các vị Tăng chất củi ngay ngã tư đường Tân Phồn mà làm lễ hỏa táng, khói lửa bốc ngút trời ba ngày mới tan. Các vị Tăng thu gom di cốt và lập tháp thờ ngay chùa Ngài ở.

THÍCH TRÍ XÚNG

Ngài họ Bùi ở Văn Hỷ huyện Hà Đông là hậu Tuệ của thứ sử Huy ở Ký châu đất Ngụy. Tổ tiên Ngài lánh nạn ngụ ở Kinh Khẩu. Từ khi nhỏ Ngài đã tính khảng khái và ưa bán cung cõi ngựa. Năm lên mười bảy tuổi theo Vương Huyền Mô tiến thẳng đến phương Bắc tránh phạt bọn Hiểm duẩn. Mỗi khi hai bên giao chiến nhìn cảnh máu rơi Ngài luôn đau xót trong lòng, rồi lại than rằng: Hại người lợi mình chẳng phải chí của kẻ có lòng nhân. Xong việc cởi bỏ áo giáp, gặp người tụng kinh Thụy Ứng bèn cảm ngộ sâu sắc biết được lẽ trăm năm không hẹn, việc nước chẳng trọng. Bèn đến thiền phòng ngài Tông công ở Nam Nhàn cầu thọ năm giới. Tống Hiếu Đế lúc đó thỉnh Thiền sư Ấn về kinh đô cúng dường. Ngài bèn đi theo có ý muốn y chỉ, Ngài Ấn cũng tiếp nhận. Thế là cùng đi với thầy về Văn Giang. Ngài đi theo đến ở chùa Bùi, xứ Thục xuất gia thờ Ấn công làm thầy. Lúc ấy Ngài đã ba mươi sáu tuổi, bắt đầu chuyên tinh nghiên cứu giới luật. Rất rành Thập Tụng. Rồi tụng một bộ tiểu phẩm, sau đó về phương Đông đến Giang Lăng theo hai sư Ấn, Cụ thọ giáo thiền luật, gặp loạn Nghĩa Gia, Ngài bèn lánh nạn đến kinh sư, gặp Dĩnh công giảng luật ở Hưng Hoàng. Ngài thỉnh vấn những điểm sâu xa lời lẽ khúc chiết. Trong nhất thời cả chúng hội ai nấy đều tán thán. Pháp Hiến ở Định Lâm gặp Ngài trong buổi giảng hay biết Ngài tới lui Thanh Huyền nên cùng nhau về ở chùa trên núi. Thế là Ngài đọc Tiểu Phẩm và nghiên cứu tinh tường Tỳ-ni. Sau đó ngài Thích Tăng Chí chùa Bảo An ở Dư Hoàng thỉnh Ngài về quê ông giảng Thập Tụng. Chùa Vân Thê lại đến thỉnh Ngài về trụ trì thế là Ngài bèn hứa khả. Trong thời gian sau cử Ngài nêu rõ hiến chương. Sau đó không lâu Ngài trở về lại Kinh Đô. Văn Tuyên thỉnh Ngài giảng luật ở Phổ Hằng, tăng chúng cả mấy trăm vị đều chấp bỗn thừa chỉ.

Từ khi Ngài từ giả gia đình phát chí xuất gia, xa lánh những việc phiền lụy, dứt bỏ những hội tiệc tùng, tang điệu, xa hẳn chuyện đời. Mỗi khi gặp chuyện không hay Ngài thường lấy giới bảo vệ, chỉ một lòng hành đạo siêng năng năm. Sa-môn Tuệ Thủ, ở Chu Phương thỉnh Ngài về quê giảng thuyết, những bà con quen biết trong làng đều đến thăm hỏi. Ngài đều ân cần khuyên bảo và nói rõ về đạo hiếu từ. Đến lúc sắp chia tay ai nấy đều quyến luyến rơi lệ cố giữ Ngài ở lại nhưng không được. Ngài về Kinh ở chùa An Lạc, pháp luân vẫn chuyển mãi, giảng Đại Bản hơn bốn mươi lần, Ngài tịch vào năm thứ 3 Vĩnh Nguyên nhà Tề, thọ bảy mươi hai tuổi, trước tác bộ Thập Tụng Nghĩa Ký gồm

tám quyển, giờ vẫn còn lưu hành ở đời, đệ tử của Ngài là Tăng Biện dựng bia ở chùa An Lạc. Còn hai vị Thông, Siêu cũng là đệ tử của Ngài rất thông Tỳ-ni được môn đồ tôn kính.

THÍCH TĂNG HỰU

Ngài vốn họ Du, Tổ tiên Ngài ở hạ Bử, Bành Thành nhưng cha đến ở Kiến nghiệp, khi Ngài lên mấy tuổi thì vào ở chùa Kiến Sơ lễ bái, vì vui thích đạo nên không chịu về, cha mẹ thương yêu nên chịu theo chí nguyện cho phép xuất gia, thờ ngài Tăng Phạm làm thầy. Năm mười bốn tuổi người nhà lên tìm người hôn phối. Ngài biết chuyện nên trốn đi đến ở với Pháp sư Pháp Đạt ở Định Lâm. Ngài Pháp Đạt cũng là bậc giới đức tinh nghiêm làm ruộng cật cho Phật pháp. Ngài hầu hạ kính thờ thầy hết lòng, đến năm đủ tuổi thọ giới cụ túc Ngài càng giữ gìn miên mật hơn. Ban đầu thọ giáo nơi Sa-môn Pháp Dĩnh. Pháp Dĩnh cũng là một bậc thầy lừng danh một thuở là một thượng thủ trong làng tăng học luật. Ngài Tăng Hựu bèn dốc lòng nghiên cứu suy tư không thể ngày đêm, sau đó thông suốt luật bộ có chỗ vượt hơn bậc tiên triết. Tề Cảnh Lăng Văn Tuyên Vương thường thỉnh về cung giảng luật. Thính chúng thường thường đến bảy, tám trăm người, giữa năm Vĩnh Minh được sắc thỉnh vào Ngô Thứ chọn lọc năm chúng đồng thời tuyên giảng Thập tụng. Ngài lại nói rõ về pháp thọ giới. Được phẩm vật cúng dường của tín thí Ngài đều đem tu sửa chùa Kiến Sơ ở Định Lâm và chùa Thiện Chư đồng thời lập Vô già Đại Tập, xả thân tế trai.v.v... Còn in ấn kinh tạng sưu tập hiệu đính các quyển kinh. Làm cho chốn chùa chiền được hưng thịnh, pháp âm không dứt, tất cả nhờ công lao của Ngài vậy. Ngài có những suy tư sâu sắc nên tự chuẩn lượng mẫu mực, nên người thọ y theo khuôn đúc thước tắc không sai, cho nên tượng Phật đá vĩ đại ở huyện Diêm núi Giang Trạch nhiếp thật tuyệt hảo, đều nhờ ngài Tăng Hựu ban đầu thọ theo nghi tắc bản vẽ. Nay càng lễ ngộ thâm hậu hơn, phạm những việc rắc rối trong Tăng chúng đều nhờ Ngài thẩm quyết. Đến lúc tuổi lớn chân yếu, có bệnh. Vua hạ chiếu thỉnh ngồi xe vào cung truyền giới cho lục cung. Ngài được xem trọng như vậy cho nên Khai Thiện, Trí Tạng, Pháp Âm, Tuệ Khuếch đều tôn kính đức hạnh của Ngài, đồng thời phụng thờ với lễ của người đệ tử. Lâm Xuyên Vương Hoàn, Nam Bình Vương Vĩ Nghi, cùng Trần Quận Viên Thăng, Vĩnh

Khang Định công chúa, quý Tần họ Đinh nhà Lương đều tôn sùng giới hạnh của Ngài, phụng sự tận tình bằng lễ thầy trò. Còn nói đến hàng đệ tử tại gia xuất gia có hơn cả ngàn cả vạn người. Ngài tịch ngày 26 tháng 5 năm Thiên Giám thứ 7 ở chùa Kiến Sơ, thọ bảy mươi bốn tuổi. Vì thế xây tháp bên mộ cũ ở chùa Định Lâm phía Tây lộ Khai Thiện. Đệ tử Chánh Độ lập bia để tưởng nhớ công đức. Đông Hoàn Lưu Tư soạn văn, lúc Ngài mới soạn tập kinh tạng xong bên sai người sao chép những điều cốt yếu, thành bộ Tam Tạng Ký, Pháp Uyển Ký Thế Giới Ký, Thích-ca Phổ và Hoàng Minh Tập.vv... đều còn lưu hành ở đời.

Luận rằng: Lễ là xuất phát từ nền gấm với trung tín. Luật cũng bắt nguồn từ việc phòng phi chỉ ác. Thế nên tùy theo trường hợp phạm mà chế thiên mục. Đến như song thọ còn đủ vết tích. Từ khi bóng thế tôn khuất dạng, ngài Ca-diếp nổi pháp. Vì mệnh danh là người trì luật, tôn giả Ưu-bà-li phải đọc lại luật Tạng. Ba-li tay cầm quạt ngà miệng đọc lời của đấng Điều Ngự, đủ tám mươi phen mới trọn vẹn nghĩa. Thế là bèn đề lên lá cây, gọi là Bát Thập Tụng luật. Sau đó Ca-diếp, Anan, Mạc điền Địa, Xá-na Ba-tư, Ưu-ba-quạt-đa ba vị La hán này lần lượt truyền nhau gìn giữ. Đến đời ngài Quạt-đa có vua A-dục. Vị này trị vì thành Ba-sát-lê Phát-đa. Nhân vì xưa thấy Phật bèn tạo thiết luân ngự thế. Nhưng bản tánh đồ kỵ bất nhẫn trong chánh trị bạo ngược. Thiêu đốt kinh sách, sát hại những vị đắc đạo, sau này đổi tâm quay về chánh tín sám hối tội trước. Từ xa biết được ứng chơn kết tập lại tam tạng. Thế nhưng vì cùng chất, chỗ thấy nghe mỗi người dẫn lời thầy mình, y cứ khác nhau mà tạo thành năm bộ, chế ra giới luật khinh trọng khác nhau, khai phá phế lập thấy đều có đôi chút sai khác. Nhưng tất cả do Như Lai ngày xưa khéo ứng cơ tiếp vật. Có khi tùy người, tùy căn cơ, tùy thời gian, tùy quốc độ. Hoặc chỗ này phải khai, nhưng nơi khác thì chế, hoặc người này phải chế nhưng người khác thì khai cho. Năm thầy tuy đồng nhưng lấy luật Phật mà mỗi người y cứ một kiểu, cho nên thiên tu có khi khinh trọng, cương mục đều không hơn kém. Nướng vào đó mà tu học đều có thể đắc đạo. Cho nên Như Lai lúc còn tại thế có mơ một giấc mơ về nhân duyên. Ngài đã huyền ký kinh luật phải chia làm năm bộ. Đại Tập kinh nói: Sau khi ta diệt độ chánh pháp sẽ được chia làm năm bộ, điên đảo giải nghĩa làm che khuất pháp tạng gọi là Đàm-vô Cúc-đa, tức là Đàm Vô Đức vậy. Đọc tụng sách ngoại đạo chịu khổ ba đời, hay khéo vấn nạn, nói tất cả loài đều được thọ giới gọi là Tát-bà-la Nhã-đế-bà, tức là Tát-bà-đa vậy. Nói không có ngã coi khinh các phiến não gọi là Ca-diếp-tỳ, nói có ngã không nói không, gọi là Bà-ta-phú-la.

Vì mở rộng phát triển năm bộ gọi Ma-ha Tăng-kỳ, Thiện nam tử, năm bộ này tuy mỗi bộ khác nhau, nhưng không ngại gì đến pháp giới chư Phật và Đại Niết-bàn.

Văn-thù Sư-lợi Văn kinh cũng nói: ta vào Niết-bàn một trăm năm sau sẽ có hai bộ được phát khởi. Một là Ma-ha Tăng-kỳ; hai là, Đại Chúng, già trẻ cùng ở trong một hội soạn tập luật tạng. Từ bộ này lại sinh ra bảy bộ nữa. Hai là bộ Thế Tỳ Lý, toàn là bậc lão túc cùng nhau soạn luật. Từ bộ này phân chia thành mười một bộ nữa, cho nên bài kệ trong kinh kia nói

Mười tám và hai bộ chính

Đều từ Đại thừa ra

Không đúng cũng không sai

Ta nói đời sau khởi

Lại vì kiến giải bất đồng, trong lúc truyền bá cũng có mười tám bộ, danh tự có đôi chút khác nhau. Cho nên lấy năm bộ làm căn bản. Từ Tát-bà-đa Bộ sinh ra bốn bộ, Di Sa Tắc sinh ra một bộ, Ca-diếp-tỳ sinh ra hai bộ, đều là những bộ xuất hiện sau khi Phật vào Niết-bàn hai trăm năm. Tăng-kỳ phân chia thành hai bộ được lưu truyền đến năm thứ bốn trăm sau Phật Niết-bàn là do Đàm Vô Đức phát sinh vậy. Trong kinh có lúc chỉ nói năm sư đó là chỉ nêu tên những vị Thượng thủ. Có khi nói mười tám, hai mươi thì xếp chung vào dị luận vậy. Từ khi giáo pháp truyền vào Trung Quốc thì năm bộ cũng được truyền sang. Ban đầu Phất-nhã-đa-la tụng bộ Thập Tụng bằng văn Phạm. Ngài La-thật dịch ra văn Tấn nhưng chưa xong thì Ngài Đa La đã tịch. Sau đó ngài Đàm-ma Lưu-chi lại tụng những phần còn lại và ngài La-thật dịch hết. Bộ Đàm Vô Đức do ngài Phật-đà Đa-xá dịch, tức là luật Tứ phần vậy. Bộ Ma-ha Tăng-kỳ và bộ Di Sa Tắc đều do Pháp Hiển đọc bản Phạm, Phật-đà Bạt-đà-la dịch ra Tăng-kỳ luật. Phật-đà thập dịch ra Di Sa Tắc tức là Ngũ phần luật. Bộ Ca-diếp-tỳ, hoặc nói Phạm bốn đã truyền sang nhưng chưa dịch được. Thiện kiến Ma-đắc Lặc-già giới nhân duyên. v.v...cũng thuộc phần chi nhánh của luật. Tuy các bộ đều được truyền sang, nhưng chỉ có bộ Thập Tụng thịnh hành nhất ở Đông đô, vì xưa kia luật sư Tỳ-ma La-xoa vốn là bậc Thượng thủ ở Tây Vực đến Quan Trung và qua kinh Thiểm đều thiên giảng Thập Tụng, thấy đủ trong tông lục. Đàm Do đích thân thừa ý chỉ, Tăng Nghiệp nối tiếp sự nghiệp hoằng hóa ở vùng đó. Các vị Cừ, Ẩn, Nghiễm Vinh v.v...đều thuật đủ sự nghiệp của Đạo Do và xếp vào hàng kỳ vĩ của đời Tống, nhưng đều y vào văn giải chưa được tinh tường. Sau này luật sư Trí Xứng hết lòng

ngiên cứu. Tất cả mọi chỗ còn chưa rõ Ngài đều phán thích một cách rõ ràng, bèn đặt khoa mục, giữa đời Tề, Lương, Ngài được tôn xưng là học đồ mệnh thế, truyền ghi đến nay vẫn còn. Tuệ nhờ vào định mà có, định hướng vào giới mà thành. Cho nên thứ tự, nghĩa ý của phẩm giới định tuệ tương xứng nhau. Cho nên biết người tu đạo lấy giới luật làm gốc, ở thế gian thì lấy nghĩa lễ làm đầu. Lễ ký nói: Đạo đức nhân nghĩa không có lễ không thành. Dạy dỗ khiến cho họ ngay thẳng không có lễ không đủ. Kinh nói: Giới là đất bằng cho các điều Thiện phát sinh, Phật đạo ở đời đều nương giới mà trụ (tồn tại), cho nên luật giải năm pháp chế để cho ta biết hết việ chặt hết gốc cỏ không thể không biết. Nhưng pháp môn định tuệ là phần thứ yếu trong việc tu học, mà bọn chấp lầm sinh ra dị luận. Người chỉ chuyên về luật thì nói giới luật là hàng đầu, các luật khác là phù phiếm, chỉ biết thiên tụng danh mục (tên của các Thiên), bèn nói là hiểu ngang với Ba-ly, chỉ có thể lật cái đũa lược nước bèn cho rằng hạnh ngang với La-hán, chỉ cho rằng ta là Tăng, còn kẻ khác là gổ có suy nghĩ (mộc tưởng) đây chính là kẻ khen mình chê người. Công không chuộc được tội, ngã mạn cống cao chính từ đây vậy. Người chỉ thiên về Số luận thì nói luật bộ là phần phụ, số luận là chính yếu. Thế là bèn trái bỏ Tỳ-ni, chú trọng ẩm nhập, tùy tiện đắc ý chưa từng trở ngại, cho rằng địa ngục không thiêu người trí, chảo dầu không nấu người hành Bát-nhã. Đấy đều là những kẻ đánh mất nền tảng, thật là đáng thương. Xem chuột nhìn dê há chẳng giống đay sao.

Khen rằng: Bàn Mạnh lập giới, Kỳ Trượng đặt bài răn. Nếu người không tỏ đâu thể kế thừa. Nạp y đã và thiên tụng, từ đây sinh, giữ gìn cẩn thận khẩu ý, bền chặt tâm hình, hai cảnh vui buồn, hai bình đều sâu bi hoang lạc.